SỞ LĐ-TB VÀ XH TP. CẦN THƠ
TRƯỜNG TC QUỐC TẾ MEKONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KQ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2021-2022)

LỚP TCYS21E3 (BẬC TRUNG CẤP, NGÀNH Y SỸ ĐA KHOA, KHÓA 2021 - 2023)

MÔN HỌC/MÔ-ĐUN : BỆNH NỘI KHOA

Số giờ : . . . * Thời gian học từ : . . . / . . . / . . . đến . . . / . . . / . . . * Ngày thi : . . . / . . . / . . .

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Kiểm tra			Thi						Đtk		Ghi chú
				Tx	Đk	ĐTB	L1			L2			L1	L2	
							1	2	ĐTB	1	2	ĐTB			
1	Nguyễn Thị Kim	Nhuận	19/02/1992	7.5	8	7.8	8		8				7.9		
2	Huỳnh Kim	Bình	07/08/1995	8	8.5	8.3	8.5		8.5				8.4		
3	Thái Lam	Uyên	22/08/1986	7	7.5	7.3	0		0				2.9		Vắng, Thi L2
4	Nguyễn Thị Lan	Anh	06/08/1991	7	7.5	7.3	8.5		8.5				8.0		
5	Nguyễn Gia	Bảo	24/07/1999	8	8.5	8.3	7.5		7.5				7.8		
6	Đặng Quý	Tú	25/02/1991	7.5	8	7.8	9		9				8.5		
7	Nguyễn Đình	Hiếu	06/06/1991	7.5	8	7.8	8.5		8.5				8.2		
8	Hoàng Triệu	Khôi	04/01/1991	7.5	8	7.8	8		8				7.9		
9	Trần Như	Quỳnh	20/11/1996	7.5	8	7.8	7.5		7.5				7.6		
10	Nguyễn Thị Lệ	Hồng	13/06/1974	8	8.5	8.3	0		0				3.3		Vắng, Thi L2
11	Nguyễn Kỉnh	Chánh	22/12/1989	7	7.5	7.3	8		8				7.7		
12	Bùi Lê Anh	Văn	25/04/1992	8	8.5	8.3	8.5		8.5				8.4		
13	Lê Phúc Khang	An	14/11/1986	8	8.5	8.3	0		0				3.3		Vắng, Thi L2
14	Lê Thái	Bảo	06/03/1993	8	8.5	8.3	8		8				8.1		
15	Nguyễn Đình	Vũ	09/02/1993	7	7.5	7.3	6.5		6.5				6.8		
16	Nguyễn Anh	Đức	04/01/1992	8.5	9	8.8	8.5		8.5				8.6		
17	Phạm Ngọc Trung	Hiếu	09/05/1981	7.5	8	7.8	0		0				3.1		VCP Thi L1

Cần Thơ, ngày . . . tháng . . . năm 20 . . .

XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG BỘ MÔN/KHOA **GIÁO VIÊN 1** **GIÁO VIÊN 2**